TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG RIỀNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2024/HNGĐ-ST
Ngày 08 - 01 - 2024
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhiên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Bửu Khánh

Bà Nguyễn Thị Cẩm Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Thúy An – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 237/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 04 năm 2023 về tranh chấp ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 385/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thanh Th, sinh năm 1988 (có đơn xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 7, xã VHHB, huyện GQ, tỉnh KG.

- *Bị đơn:* Anh Châu Ngọc Đ, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp HB, xã HT, huyện GR, tỉnh KG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 07/02/2023 nguyên đơn chị Trần Thanh Th trình bày: Chị Th và anh Đ được sự mai mối tiến tới hôn nhân có tổ chức lễ cưới vào năm 2007 và có Đ ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Thuận, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang nhưng không nhớ rõ thời gian nào và hiện tại đã thất lạc giấy kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian ngắn đến khoảng năm 2020

thì phát sinh muân thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống và cách nghỉ nên vợ chồng thường xuyên cự cải cuộc sống hôn không được hạnh phúc chị Th và anh Đ đã sống ly thân hơn 02 năm nay.

Nay chị Th xét thấy không thể tiếp tục chung sống vợ chồng với anh Đ, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Châu Ngọc Đ.

Về con chung: Chị Th xác định có hai người con chung Châu Ngọc Đạt, sinh ngày 15/8/2009 và Châu Ngọc T, sinh ngày 11/01/2012, khi chị Th và anh Đ sống ly thân các con sống cùng với chị nên chị tiếp tục yêu cầu được nuôi con không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Châu Ngọc Đ đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng anh Đ không có văn bản phản hồi về yêu cầu của nguyên đơn và vắng mặt.

Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tòa án đã triệu tập anh Châu Ngọc Đ đến tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đến lần thứ hai và triệu tập đến tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng anh Đ vẫn vắng mặt, không vì lý do bất khả kháng.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông qua thủ tục niêm yết nơi cư trú của bị đơn nhưng bị đơn vắng mặt. Đối với nguyên đơn có đơn đề nghị vắng mặt, nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Chị Th cho rằng chị và anh Đ chung sống với nhau có Đ ký kết hôn nhưng chị không cung cấp được giấy kết hôn và theo giấy xác nhận của Ủy ban nhân xã Hòa Thuận xác định qua kiểm tra sổ Đ ký kết hôn từ năm 2007 đến nay không trích lục được giấy kết hôn của chị Th anh Đ, nên từ đó không có căn cứ nào để xác định chị Th và Đ có Đ kết hôn theo quy định nên không thể xác định hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Từ đó, Đề nghị Hội đồng xét xử xác định của chị Th và anh Đ chung sống như vợ chồng không có Đ ký kết hôn và không công nhận hôn nhân giữa chị Th và anh Đ.

Về con chung chị Th xác định có hai người con chung Châu Ngọc Đạt, sinh ngày 15/8/2009 và Châu Ngọc T, sinh ngày 11/01/2012. Sau khi chị Th và anh Đ ly

thân thì hai con đều sống cùng với chị, nay chị tiếp tục được nuôi con và các con có nguyện được ở với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Anh Đ vắng mặt không có ý kiến hay cung cấp chứng cứ chứng minh chị Th không đảm bảo điều kiện nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị Th không yêu cầu nên không xem xét về việc cấp dưỡng.

Về tài sản chung không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Về án phí: Đề nghị áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí; buộc chị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành thụ lý đơn đúng trình tự thủ tục, đúng thẩm giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, anh Châu Ngọc Đ với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại ấp HB, xã HT, huyện GR, tỉnh KG nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang. Đối với bị đơn trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng bị đơn vắng mặt không vì lý do bất khả kháng; nguyên đơn có đơn xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Th xác định chị và anh Đ tiến tới hôn nhân có tổ chức lễ cưới và có Đ ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Thuận, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang. Tuy nhiên hiện tại giấy kết hôn đã bị thất lạc chị không thể cung cấp. Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân của anh chị trên cơ sở tự nguyện chung sống vợ chồng với nhau có tổ chức lễ cưới theo phong tục, nhưng theo hồ sơ khởi kiện chị Th không cung cấp giấy tờ chứng minh đã Đ ký kết hôn cũng như theo xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Hòa Thuận, huyện Giồng Riềng xác nhận trong bộ lưu kết hôn không trích lục được giấy kết hôn giữa chị Trần Thanh Th, anh Châu Ngọc Đ, nên Hội đồng xét xử không có căn cứ xác định hôn nhân của chị Th anh Đ là hôn nhân hợp pháp được Đ ký theo Luật hôn nhân và gia đình nên không làm phát sinh

quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình xác định hôn nhân giữa chị Th anh Đ không được công nhận là vợ chồng.

[2.2]. Về con chung: Chị Th xác định chị và anh Đ có với nhau hai con chung Châu Ngọc Đạt, sinh ngày 15/8/2009 và Châu Ngọc T, sinh ngày 11/01/2012, chị Th yêu cầu được tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con, không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con. Theo quy định của Luật hôn nhân và đình vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con. Trong suốt quá trình tố tụng anh Đ đều vắng mặt không cung cấp tài liệu chứng cứ hay ý kiến gì về việc nuôi dưỡng con, nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét. Theo ý kiến của chị Th xác định con hiện đang sống cùng chị và cháu Đạt, cháu T cũng có nguyện vọng được ở với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn, nên để giữ sự ổn định và đảm bảo điều kiện tốt nhất cho sự phát triển của con nghị nên tiếp tục giao con cho chị Th chăm sóc nuôi dưỡng, anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Th không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét phần cấp dưỡng.

Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Th không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4]. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, chị Trần Thanh Th phải chịu 300.000 đồng, khấu trừ tạm ứng án phí chị Th đã nộp 300.000đ theo Biên lai thu của Cơ quan Thi hành án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 266; khoản 1 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Khoản 1 Điều 14; Điều 53; khoản 1, 2 Điều 81; Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Trần Thanh Th và anh Châu Ngọc Đ.

2. Về nuôi con: Giao con chung cháu Châu Ngọc Đạt, sinh ngày 15/8/2009 và Châu Ngọc T, sinh ngày 11/01/2012, cho chị Trần Thanh Th trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh Châu Ngọc Đ không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị Th không yêu cầu.

Cháu Đạt, cháu T có nguyện vọng được ở với mẹ khi cha mẹ ly hôn.

Anh Châu Ngọc Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Trần Thanh Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí và lệ phí tòa án số 0008012 ngày 17/4/2023 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

5. Quyền kháng cáo: Chị Trần Thanh Th, anh Châu Ngọc Đ vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Giồng Riềng;
- CCTHADS huyện Giồng Riềng;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA